

Bản án số:35/2020/ DS-ST

Ngày 29/9/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Đôn.

2. Ông Dương Ngô Phiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

- Đại diện Viện kiểm sát th gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2020. Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/QĐST-DS, ngày 23/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1974 ủy quyền cho chị Phùng Thị Th, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Bản X, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản X, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Ngô Thị V, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản X, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Chị Phùng Thị Th, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Bản X, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo anh Nguyễn Văn N trình bày: Vợ chồng anh và vợ chồng anh Đ, chị V là người cùng xã có quen biết nhau, Năm 2018 anh có mua rừng bạch đàn ở Đồng Hỷ, Thái Nguyên để khai thác, nhưng do điều kiện không làm được nên anh đã bán lại cho vợ chồng anh Đ, chị V quyền khai thác rừng

bạch đàn trên với giá 165.000.000đ (một trăm sáu mươi năm triệu đồng), anh Đ, chị V mới trả anh được 65.000.000đ còn nợ lại 100.000.000đ sau khi khai thác xong do chưa có tiền trả ngày 13/4/2018 anh Đ, chị V có thỏa thuận cho vay lại số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tự nguyện chịu lãi xuất 2%/1 tháng, viết giấy hẹn 3 tháng sau trả đến hẹn anh Đ, chị V không trả được gốc mà chỉ trả vợ chồng anh số tiền lãi 2 lần lần đầu là 6.000.000đ nhưng anh không nhớ ngày đến ngày 30/10/2018 anh Đ, chị V trả tiếp cho vợ chồng anh 10.000.000đ. Từ đó đến nay anh đã đòi quá nhiều lần nhưng vợ chồng anh Đ, chị V khất lần không trả còn có lời nói thách thức anh. Nay anh yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị V phải trả vợ chồng anh số tiền còn nợ là 100.000.000đ, tiền lãi theo lãi xuất 0,75%/1 tháng tính từ ngày 13/4/2018 đến khi xét xử xong.

Tại bản khai của chị Th trình bày chị là vợ anh N, chị nhất trí với ý kiến của anh N, yêu cầu anh Đ, chị V phải trả vợ chồng chị số tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi theo lãi xuất 0,75%/1 tháng tính từ ngày 13/4/2018 đến khi xét xử xong.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Duy Đ trình bày: năm 2018 vợ chồng anh có mua lại lô rừng bạch đàn của anh N, chị Th ở bản X, X, Y giá tiền là 165.000.000đ (một trăm sáu mươi năm triệu đồng) đã trả được 65.000.000đ còn nợ lại 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) do bán lô rừng lỗ nên vợ chồng anh chưa có tiền trả chị Th, anh N số tiền còn nợ. vợ chồng anh đã thỏa thuận với chị Th, anh N cho vay lại số tiền 100.000.000đ trên và xin chịu lãi xuất 2%/1 tháng, vợ chồng anh đã trả lãi 2 lần là 16.000.000đ tuy nhiên khi trả lãi không có giấy tờ gì nên anh không nhớ trả lãi vào thời gian nào, nay số tiền lãi đã trả anh không có ý kiến gì. Về số tiền gốc đã vay vợ chồng anh khất nợ nhiều lần nhưng do chưa có tiền nên chưa trả được vợ chồng anh N, chị Th. Nay anh N khởi kiện đòi vợ chồng anh số tiền 100.000.000đ và tiền lãi theo lãi xuất 0,75%/1 tháng tính từ ngày 13/4/2018 đến khi xét xử xong, anh nhất trí trả vợ chồng anh N, chị Th số tiền 100.000.000đ tiền gốc và tiền lãi 0,75%/1 tháng tính từ ngày thụ lý vụ án 23/6/2020 đến nay

* Ý kiến trình bày của chị Ngô Thị V. Chị là vợ anh Đ việc vợ chồng chị có mua rừng bạch đàn của vợ chồng anh N, chị Th và nợ lại số tiền 100.000.000đ của anh N, chị Th là đúng. Vợ chồng chị nhất trí vay lại số tiền của anh N, chị Th và thỏa thuận lãi xuất 2%/1 tháng, vợ chồng chị đã trả lãi 2 lần tiền lãi từ năm 2019 được 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) là đúng, nay tiền lãi đã trả chị không có ý kiến gì. Còn tiền gốc do chưa có tiền nên vợ chồng chị chưa trả được anh N, chị Th. Nay anh N khởi kiện đòi vợ chồng anh số tiền 100.000.000đ và tiền lãi theo lãi xuất 0,75%/1 tháng tính từ ngày 13/4/2018 đến khi xét xử xong, anh nhất trí trả vợ chồng anh N, chị Th số tiền 100.000.000đ tiền gốc và tiền lãi 0,75%/1 tháng tính từ ngày thụ lý vụ án 23/6/2020 đến nay

+ ***Ý kiến của Kiểm sát viên th gia phiên tòa:*** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, người liên quan đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn anh Đ, chị V chưa chấp hành đúng các quy định không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, không đến phiên tòa xét xử.

+ ***Về hướng giải quyết:*** Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N và chị Phùng Thị Th buộc anh Nguyễn Duy Đ, chị Ngô Thị V có trách nhiệm phải trả cho N, chị Th số tiền gốc là 100.000.000 đồng; lãi xuất 0,75%/1 tháng, tiền lãi tính từ ngày 13/4/2018 đến ngày 29/9/2020 là 22.150.000đ được trừ đi 16.000.000đ tiền lãi đã trả ông Đ, bà V còn phải trả 6.150.000đ tiền lãi.

Đề đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng lãi xuất chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

- Yêu cầu của anh N được chấp nhận nên anh N không phải chịu tiền án phí.
- Chị V, anh Đ phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh N khởi kiện đòi tiền anh Đ, chị V xác định quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”, chị V, anh Đ có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay ở Bản X, xã X huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình thụ lý, giải quyết chị V, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến th gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, không đến th gia phiên tòa vắng mặt không có lý do. HĐXX Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227, của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Đ, bà V.

[2] Về nội dung: Do có mối quan hệ quen biết nhau năm 2018 anh N, chị Th có bán cho anh Đ, chị V rừng bạch đàn để khai thác gỗ, với giá tiền là 165.000.000đ (một trăm sáu mươi năm triệu đồng), anh Đ, chị V đã trả được anh N, chị Th số tiền 65.000.000đ còn nợ lại 100.000.000đ, các bên thỏa thuận khai thác xong thì trả hết tiền nhưng do khai thác bị lỗi nên anh Đ, chị V xin vay lại số tiền 100.000.000đ và tự nguyện chịu lãi xuất theo ngân hàng; Hẹn 3 tháng sau trả (tức ngày 30/7/2018 trả) . Đến hẹn chị V, anh Đ không trả được tiền gốc cho anh N, chị Th mà chỉ trả được 2 lần tiền lãi là 16.000.000đ. Nay chị Th, anh N khởi kiện đòi anh Đ, chị V số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), yêu cầu trả lãi theo lãi xuất 0,75%/1 tháng tính từ ngày 13/4/2018 đến khi xét xử được trừ đi số tiền lãi đã trả là 16.000.000đ.

Xét thấy về số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) ban đầu là tiền mua bán rừng xác định là quan hệ mua bán tài sản. Đến khi chị V, anh Đ thỏa thuận xin vay lại số tiền này và tự nguyện chịu lãi xuất. Xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đến hẹn anh Đ, chị V không trả tiền, anh N làm đơn khởi kiện chị V, anh Đ. Phía chị V, anh Đ không tranh chấp gì về số tiền gốc chỉ xin trả dần. Phía anh N, chị Th không đồng ý cho trả dần với lý do cho khát nợ nhiều lần rồi. Xét thấy việc vay mượn tiền đã quá hạn thỏa thuận trong giấy vay chị V, anh Đ không trả tiền. Anh N, chị Th khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc anh Đ, chị V phải có trách nhiệm thanh toán trả anh N, chị Th số tiền còn nợ là 100.000.000đ

Về tiền lãi: cả chị Th, anh N, chị V, anh Đ đều thống nhất việc vay tiền có thỏa thuận lãi xuất và các bên thống nhất đã trả được số tiền lãi là 16.000.000đ. thời gian trả lãi chị V, anh Đ không nhớ. Nay chị Th, anh N yêu cầu mức lãi xuất 0,75%/1 tháng thời điểm tính lãi từ ngày 13/4/2018. Xét thấy về phương thức tính lãi, thời gian tính lãi, mức lãi xuất này phù hợp, không vượt quá quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án: Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án, cần buộc Chị V, anh Đ phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Do yêu cầu của anh N, chị Th được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị V, anh Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điểm b, khoản 2, điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30 luật hôn nhân gia đình, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung: Xử buộc Chị Ngô Thị V và anh Nguyễn Duy Đ phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn N, chị Phùng Thị Th số tiền còn nợ là 100.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc; Về tiền lãi tính đến ngày 29/9/2020 là 22.150.000đ được trừ đi 16.000.000đ lãi đã trả còn phải trả tiếp 6.150.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 106.150.000đ (một trăm linh sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về tiền án phí.

- Về tiền án phí: Anh Đ, chị V phải chịu 5.307.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh N không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả anh N số tiền 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002371, ngày 23/6/2020 do chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế đã thu.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Bản án đã được thông qua tại phòng nghị án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh